TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-PT
Ngày 11-12 -2023
V/v Chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Việt Trung;

Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phượng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc *"Yêu cầu chia tài sản chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Trị, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H; địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V; cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện L, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hồ Thị L, địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Ông Nguyễn Quang H2 và bà Phan Thị N, cùng địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Hồ Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Ngày 07/5/2021, bà Bùi Thị H cùng với bà Hồ Thị L và vợ cH ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V có lập văn bản thỏa thuận với nhau góp tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2 tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị với tổng số tiền là 3.500.000.000 đồng. Trong đó bà H góp số tiền 1.650.000.000 đồng; bà L góp số tiền 1.650.000.000 đồng và ông H1, bà V góp số tiền 200.000.000 đồng. Bà H và bà L đã giao tổng số tiền 3.300.000.000 đồng cho ông H1, bà V, đồng thời thỏa thuận giao cho ông H1, bà V chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung thỏa thuận: "*Giao cho ông H1 và bà V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H1 và bà V không được chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, cầm cố, thế chấp ... giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên khi chưa được sự đồng ý của bà H và bà L. Số tiền góp vào chuyển nhượng thửa đất tương đương với giá trị được hưởng của các bên. Nếu sau này thực hiện việc chuyển nhượng lại thửa đất trên cho người khác hoặc một trong các bên góp tiền có nhu cầu thì chia tài sản chung*".

Sau khi các bên góp tiền, ông H1 và bà V tiến hành làm các thủ tục để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thoả thuận. Ngày 07/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 859257 cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V. Do tin tưởng nên sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H và bà L vẫn giao cho H1, bà V cất giữ. Tuy nhiên, sau đó một thời gian thì bà H phát hiện ông H1, bà V đã đem tài sản chung cầm cố cho ông Nguyễn Quang H2 và bà Phan Thị N, trú tại khu phố 2, thị trấn C, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đang do ông H2 và bà N cất giữ. Việc ông H1 và bà V đem tài sản chung của bà H, bà L và ông H1, bà V đi cầm cố và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2 và bà N đã vi phạm nội dung thỏa thuận ngày 07/5/2021 giữa bà H, bà L và ông H1, bà V.

Bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu:

+ Chia tài sản chung là thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã cấp cho ông H1, bà V, với trị giá là 3.500.000.000 tương đương với phần góp vốn của từng người gồm bà H 1.650.000.000 đồng,

bà L 1.650.000.000 đồng và ông H1, bà V 200.000.000 đồng. Bà H có nguyện vọng được sở hữu toàn bộ thửa đất và thanh toán giá trị cho bà L và ông H1, bà V tương đương với phần góp vốn của từng người. Ông H1 và bà V có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng thừa đất lại cho bà H.

+ Buộc ông Nguyễn Quang H2 và bà Phan Thị N phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V trình bày:

Ngày 07/5/2021, bà Bùi Thị H, bà Hồ Thị L và ông H1, bà V có thoả thuận với nhau góp tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2 tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị với tổng số tiền là 3.500.000.000 đồng. Số tiền bà H góp 1.650.000.000 đồng, bà L góp 1.650.000.000 đồng; ông H1, bà V góp 200.000.000 đồng. Bà H và bà L đã giao số tiền 3.300.000.000 đồng cho bà V, ông H1, đồng thời thỏa thuận giao cho bà V, ông H1 chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc thỏa thuận này được lập thành văn bản và các bên cùng ký vào thỏa thuận. Sau khi các bên góp tiền, bà V, ông H1 tiến hành làm các thủ tục để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thoả thuận. Ngày 07/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx mang tên Nguyễn Thanh H1 và Nguyễn Thị Ái V. Trong thời gian này, bà V, ông H1 kinh doanh bất động sản và kinh doanh vàng bạc tại chợ thị trấn C, nên ông Nguyễn Quang H2 và bà Phan Thị N tự nguyện đưa tiền đến gửi cho ông H1, bà V để lấy lãi hàng tháng, cụ thể ông H2 và bà N gửi số tiền 1.500.000.000 đồng, hàng tháng bà V, ông H1 trả lãi cho ông H2, bà N 22.500.000 đồng. Ông H2, bà N gửi tiền ở bà V, ông H1 khoảng được hơn 1 năm, sau đó do thị trường bất động sản bị đứng và làm ăn thua lỗ nên ông H2, bà N đến lấy tiền lại. Tại thời điểm này, do chưa có tiền để trả nên bà V, ông H1 đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx cấp ngày 07/6/2021 cho ông H2, bà N để làm tin và hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H2, bà N cất giữ. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung thì ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L trình bày:

Ngày 07/5/2021, bà Bùi Thị H, bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V có thoả thuận với nhau góp tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2 tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị với tổng số tiền là 3.500.000.000 đồng. Số tiền góp gồm bà H 1.650.000.000

đồng; bà L 1.650.000.000 đồng; ông H1, bà V 200.000.000 đồng. Bà H và bà L đã giao số tiền 3.300.000.000 đồng cho ông H1, bà V, đồng thời thoả thuận giao cho ông H1 bà V chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc thỏa thuận này được lập thành văn bản và các bên cùng ký vào thỏa thuận. Sau khi các bên góp tiền, ông H1, bà V tiến hành làm các thủ tục để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thoả thuận. Ngày 07/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V. Thời điểm này ông H1, bà V kinh doanh bất động sản và kinh doanh vàng bạc tại chợ thị trấn C, sau đó một thời gian do thị trường bất động sản bị đứng và làm ăn thua lỗ, do nợ tiền của vợ chồng ông Nguyễn Quang H2 và bà Phan Thị N nên vợ cH ông H1, bà V đã giao cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H2 bà N đang cất giữ nên bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N không có văn bản trình bày.

Với những nội dung trên;

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DSST ngày 05 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Trị; đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H. Bà Bùi Thị H có quyền sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2 tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V.

Buộc bà Bùi Thị H phải hoàn trả cho bà Hồ Thị L số tiền 1.650.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn); hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng chẵn).

2. Buộc ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N phải trả cho ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V.

Ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V sang cho bà Bùi Thị H

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 13/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm định giá tài sản tranh chấp theo giá thị trường hiện nay và có nguyện vọng nhận quyền sử dụng đất thửa đất tranh chấp, đồng thời giao lại số tiền tương ứng của bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V đã góp theo giá thị trường hiện nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N có ý kiến: ông H1, bà V giao cho ông H2, bà N giữ sổ đỏ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị để mượn số tiền 1.500.000.000 đồng. Khi nào ông H1, bà V trả số tiền mượn thì ông, bà sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V có văn bản trình bày ý kiến: Trước khi chung tiền để cùng kinh doanh bất động sản, chúng tôi đã thống nhất rủi ro, lời ăn lỗ chịu, nay thị trường bất động sản đóng băng nên đồng ý kết quả định giá với giá 1.266.552.000 đồng, đề nghị Tòa án chia theo tỷ phần đóng góp, bà H hay bà L nhận quyền sử dụng đất thì có nghĩa vụ trả tiền cho vợ cH bà V. Các phần còn lại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Bùi Thị H và bà Hồ Thị L cùng thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án theo hướng: Bà H không có tiền để giao cho bà L với bà V nên đồng ý giao cho bà L được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất và bà L có nghĩa vụ giao tiền cho bà H và bà V theo tỷ lệ vốn góp của từng người tương ứng với giá trị tài sản tại thời điểm định giá là 1.266.552.000 đồng.

Đồng thời, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V, bà Hồ Thị L đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để sửa bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; ông H2, bà N không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS; đồng thời đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Bà Hồ Thị L có quyền sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2 tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V.

Buộc bà L phải hoàn trả cho bà H số tiền 596.799.302 đồng; hoàn trả cho ông H1, bà V số tiền 72.923.396 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N phải trả cho ông H1, bà V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 859257 ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V. Ông H1 và bà V có nghĩa vụ sang tên cho bà Hồ Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị, đối tượng tranh chấp là bất động sản tại huyện P, căn cứ quy định khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ tranh chấp "*Yêu cầu chia tài sản chung*" để thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị L:

[2.1] Xem xét nguồn gốc tài sản chung:

Bà Bùi Thị H cùng với vợ chồng ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V và bà Hồ Thị L cùng nhau góp tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo đó, ngày 07/5/2021, bà H, bà L và ông H1, bà V lập văn bản thỏa thuận, nội dung góp tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2 tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị với tổng số tiền 3.500.000.000 đồng, trong đó bà H góp 1.650.000.000 đồng; bà L góp 1.650.000.000 đồng và ông H1, bà V góp 200.000.000 đồng và thỏa thuận giao cho ông H1, bà V chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi các bên góp tiền, ông H1 và bà V tiến hành làm các thủ tục để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngày 07/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V. Như vậy, xác định tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2 tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 859257 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 07/6/2021 cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V là tài sản chung của bà H, bà L và ông H1, bà V.

[2.2] Kết quả định giá tài sản:

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 21/11/2023 của Công ty cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam VVFC, giá trị thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.594m^2; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị là 1.266.552.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản được các bên đương sự thống nhất, không có ai yêu cầu định giá lại.

[2.3] Xem xét phân chia tài sản chung: Kết quả định giá thị trường hiện nay thì thửa đất có giá trị 1.266.552.000 đồng. Căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên tại Văn bản ngày 07/5/2021: "…*Số tiền góp vào chuyển nhượng thửa đất tương đương với giá trị được hưởng của các bên, nếu sau này thực hiện việc chuyển nhượng lại thửa đất trên cho người khác hoặc một trong các bên góp tiền có nhu cầu chia tài sản chung*".

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất, thì thửa đất có giá trị 3.500.000.000 đồng nhưng hiện nay thửa đất có giá trị 1.266.552.000 đồng, bà H, bà L và vợ chồng ông H1, bà V đồng ý với giá và chia theo tỷ phần đóng

góp. Theo đó, bà H, bà L mỗi người được nhận giá trị 597.089.000 đồng, ông H1, bà V được nhận giá trị 72.374.000 đồng tương ứng với số tiền đã góp.

Tại phiên tòa, bà H đồng ý giao cho bà L được quyền sử dụng đất, bà L có nghĩa vụ giao cho bà H 597.089.000 đồng; ông H1, bà V vắng mặt nhưng có văn bản đồng ý giao lại quyền sử dụng đất cho bà H hoặc bà L và nhận lại số tiền theo quyết định của Tòa án.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa bà H và bà L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, theo đó giao quyền sử dụng đất cho bà L, bà L có nghĩa vụ giao lại cho bà H số tiền 597.089.000 đồng và giao cho ông H1, bà V số tiền 72.374.000 đồng. Do tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận lại, đây là tình tiết mới (*cấp sơ thẩm không có lỗi*), Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận và sửa bản án sơ thẩm.

[2.4] Đối với việc bà V, ông H1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 cho ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N cất giữ:

Căn cứ nội dung thỏa thuận: "*Giao cho ông H1 và bà V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Sau khi nhận chuyển nhượng ông H1 và bà V không được chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, cầm cố, thế chấp ... giấy chứng nhận thửa đất nêu trên khi chưa được sự đồng ý của bà H và bà L*".

Việc vợ chồng ông H1 tự ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2, bà N cất giữ là hoàn toàn trái với thỏa thuận giữa các bên. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N phải trả cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 859257 ngày 07/6/2021 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V là có căn cứ.

Đối với ý kiến của ông H2, bà N cho bà V, ông H1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, đây là một giao dịch dân sự khác không liên quan đến sự thỏa thuận của bà L, bà H và ông H1, bà V.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cần chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị L thỏa thuận chịu 8.512.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà L đã nộp đủ.

[5] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thị L và bà Hồ Thị H được hưởng giá trị tài

sản 597.089.000 đồng nên mỗi người phải chịu 27.883.500 đồng (20.000.000 đồng + 4% x 197.089.000 đồng). Ông H1, bà V được hưởng giá trị tài sản 72.374.000 đồng nên phải chịu án phí 3.619.000 đồng (72.374.000 đồng x 5%).

Ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Hồ Thị L được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị L, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 208, Điều 209 và Điều 219 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộiquy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Giao cho bà Hồ Thị L quyền sử dụng diện tích 2.594m^2 đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11; địa chỉ tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V.

- Bà Hồ Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền 597.089.000 (*Năm trăm chín mươi bảy triệu, không trăm tám mươi chín nghìn*) đồng và hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V số tiền 72.374.000 (*Bảy mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn*) đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V.

3. Ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ái V có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 8592xx ngày 07/6/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ái V sang cho bà Hồ Thị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị L chịu 8.512.000 đồng và đã nộp đủ.

5. Về án phí:

+ Bà Bùi Thị H phải chịu 27.883.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 30.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số CC/2021/0000391 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền 2.866.500 đồng.

+ Bà Hồ Thị L phải chịu 27.883.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số CC/2021/0000498 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Trị. Bà L còn phải nộp 27.583.500 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Ái V phải chịu 3.619.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Quang H2, bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Thương